

BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU ĐA DẠNG CÂY THUỐC THUỘC NGÀNH NGỌC LAN (MAGNOLIOPHYTA) Ở VƯỜN QUỐC GIA CHƯ YANG SIN, TỈNH ĐẮK LẮK

NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

NGUYỄN QUỐC BÌNH

*Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam*

Vườn Quốc gia (VQG) Chư Yang Sin nằm trên địa phận 2 huyện Krông Bông và Lắk, tỉnh Đắk Lắk. VQG có hệ thực vật nói chung và nguồn tài nguyên cây thuốc nói riêng được đánh giá đa dạng và phong phú, tuy nhiên nguồn tài nguyên này đang bị suy giảm mạnh, nhiều loài có giá trị đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa cao. Cho đến nay, những nghiên cứu về nguồn tài nguyên cây thuốc ở đây còn ít ỏi. Điều này gây khó khăn cho việc đánh giá toàn diện giá trị tài nguyên cây thuốc tại VQG. Việc điều tra, nghiên cứu đa dạng cây thuốc có ý nghĩa hết sức quan trọng cả về khoa học lẫn thực tiễn nhằm góp phần bảo vệ, phát triển bền vững nguồn tài nguyên quý giá này.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Sử dụng phương pháp điều tra thực vật của Nguyễn Nghĩa Thìn, 1997. Phương pháp so sánh hình thái được áp dụng để định tên khoa học, trong đó căn cứ vào đặc điểm hình thái của các cơ quan sinh sản và sinh dưỡng để so sánh, đặc biệt cơ quan sinh sản và dựa trên các tài liệu chuyên khảo của Phạm Hoàng Hộ, 2000 [6], và Nguyễn Tiến Bản, 2003, 2005 [1].

Các thông tin làm thuốc được cập nhập thông qua phỏng vấn người dân địa phương theo phương pháp của Gary J. Martin, 2002 [5], và tra cứu công dụng theo tài liệu của Võ Văn Chi, 2012 [3], Đỗ Tất Lợi, 2004 [7].

Đánh giá mức độ nguy cấp của các loài dựa trên Sách Đỏ Việt Nam, 2007 [2]; Nghị định ND 32/2006/NĐ-CP và Danh lục Đỏ cây thuốc, 2006 [4,7].

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Đa dạng cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) tại VQG Chư Yang Sin

1.1. Đa dạng lớp (2 lớp)

Ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) gồm 2 lớp: lớp Ngọc lan (*Magnoliopsida*) và lớp Hành (*Liliopsida*). Trong đó, lớp Ngọc lan chiếm ưu thế với số loài là 565 (chiếm 84,32%), số chi là 378 (chiếm 84,94%), số họ là 115 (chiếm 87,12%). Lớp Hành (*Liliopsida*) chiếm tỷ trọng thấp hơn hẳn, với số loài là 105 (chiếm 15,67%), số chi là 67 (chiếm 15,05%), số họ là 17 (chiếm 12,88%). Số lượng các bậc taxon trong hai lớp này được cụ thể hóa ở bảng 1.

Qua bảng 1 ta thấy ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) có 670 loài, 445 chi, 132 họ, số lượng các taxon trong 2 lớp là lớp Ngọc lan và lớp Hành có sự khác biệt lớn. Tỷ lệ tương quan số loài giữa lớp Ngọc lan và lớp Hành là 5,38, nghĩa là cứ 5,38 loài thuộc lớp Ngọc lan thì có một loài thuộc lớp Hành, tỷ lệ này tăng dần đến bậc chi 5,64/1 và bậc họ 6,76/1. Tỷ lệ này thể hiện tính vượt trội về các bậc phân loại của lớp Ngọc lan so với lớp Hành.

Tuy chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ nhưng lớp Hành (*Liliopsida*) cũng chứa đựng nhiều loài cây thuốc quý, có giá trị cao như: Lan kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*), Thạch học đen (*Dendrobium*

williamsonii), Thạch hộc (*Dendrobium bellatulum*), Lan hài cuốn (*Paphiopedilum appletonianum*), Sâm cau (*Curculigo orchioides*), Thiên môn (*Asparagus filicinus*),...

Bảng 1

Phân bố các taxon trong ngành Ngọc lan

Lớp	Họ		Chi		Loài	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Magnoliopsida (Lớp Ngọc lan)	115	87,12	378	84,95	565	84,33
Liliopsida (Lớp Hành)	17	12,88	67	15,05	105	15,67
Tổng	132	100,00	445	100,00	670	100,00
Tỷ trọng lớp Magnoliopsida/Liliopsida	6,76		5,64		5,38	

1.2. Đa dạng họ (132 họ)

Các họ thực vật có số lượng loài cây thuộc nhiều nhất là họ Đậu (Fabaceae): 38 loài, họ Cúc (Asteraceae): 33 loài, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae): 32 loài, họ Cà phê (Rubiaceae): 25 loài, họ Lan (Orchidaceae): 25 loài, họ Long não (Lauraceae): 17 loài... Tổng số loài của 10 họ giàu loài nhất là 229 loài, chiếm 34,0% tổng số loài cây thuộc của ngành Ngọc lan. Số liệu các họ nhiều loài cây thuộc nhất ở khu vực nghiên cứu được nêu cụ thể ở bảng 2 sau:

Bảng 2

Thống kê 10 họ đa dạng cây thuốc nhất tại VQG Chư Yang Sin

STT	Tên họ		Loài		Chi	
	Tên khoa học	Tên Việt Nam	Số lượng	Ti lệ (%)	Số lượng	Ti lệ %
1	Fabaceae	Đậu	38	5,7	20	4,5
2	Asteraceae	Cúc	33	4,9	26	5,8
3	Euphorbiaceae	Thầu dầu	32	4,8	19	4,3
4	Rubiaceae	Cà phê	25	3,7	20	4,5
5	Orchidaceae	Lan	25	3,7	16	3,6
6	Lauraceae	Long não	17	2,5	6	1,3
7	Caesalpiniaceae	Vang	16	2,4	8	1,8
8	Zingiberaceae	Gừng	15	2,2	6	1,3
9	Moraceae	Dâu tằm	15	2,2	4	0,9
10	Acanthaceae	Ô rô	13	1,9	11	2,5
Tổng			229	34,0	136	30,5

Ngoài 10 họ đa dạng cây thuốc nhất nêu trên, số họ chỉ có một loài chiếm 26,5% tổng số họ (35 họ) nhưng chỉ chiếm 5,22% tổng số loài của ngành Ngọc lan. Đây thường là các họ vốn ít loài của hệ thực vật Việt Nam, nên việc bảo tồn nguồn gen các loài này trở nên cần thiết và đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn đa dạng sinh học nói chung và bảo tồn cây thuốc nói riêng, bởi nếu mất đi một loài tương ứng với việc mất đi một taxon ở bậc cao hơn.

1.3. Đa dạng chi (445 chi)

Sử dụng cách tính chỉ số đa dạng bậc chi (tổng số chi so với tổng số họ và tổng số loài so với số chi của khu vực nghiên cứu) với số liệu ở bảng 1, ta thấy rằng trung bình cứ 1 họ có 3 chi và trung bình 1 chi có 2 loài. Tuy nhiên, trên thực tế sự phân bố cây thuốc trong các chi là không đều nhau; chi nhiều loài nhất là chi Sung (*Ficus*) gồm 10 loài, chi ít loài nhất chỉ có 01 loài

(*Acer, Rauwolfia, Dianella,...*). Số liệu 10 chi giàu loài cây thuốc nhất ngành Ngọc lan tại VQG Chư Yang Sin được trình bày cụ thể ở bảng 3 sau:

Bảng 3

Các chi giàu loài cây thuốc nhất tại VQG Chư Yang Sin

STT	Họ	Tên chi	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Moraceae	<i>Ficus</i>	10	1,5
2	Lauraceae	<i>Cinnamomum</i>	08	1,1
3	Orchidaceae	<i>Dendrobium</i>	08	1,1
4	Fabaceae	<i>Desmodium</i>	07	1,0
5	Caesalpiaceae	<i>Bauhinia</i>	05	0,74
6	Euphorbiaceae	<i>Phyllanthus</i>	05	0,74
7	Mimosaceae	<i>Albizia</i>	05	0,74
8	Myrtaceae	<i>Syzygium</i>	05	0,74
9	Smilacaceae	<i>Smilax</i>	05	0,74
10	Zingiberaceae	<i>Zingiber</i>	05	0,74
Tổng			63	9,14

Trong số 10 chi đa dạng nhất với 63 loài, chiếm 9,14% tổng số loài cây thuốc của ngành Ngọc lan thì chi *Ficus* (Moraceae) đa dạng nhất với 10 loài, chiếm 1,5% tổng số loài. Các chi còn lại có từ 5 loài trở lên.

2. Giá trị bảo tồn nguồn tài nguyên cây thuốc của ngành Ngọc lan

VQG Chư Yang Sin có đa dạng sinh học cao và là nơi phân bố nhiều loài cây thuốc quý, hiếm, có giá trị khoa học và kinh tế cao. Theo tiêu chí Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 32/2006/NĐ-CP và Danh lục Đỏ cây thuốc (2006), 43 loài cây thuốc thuộc ngành Ngọc lan tại khu vực nghiên cứu khuyến cáo cần bảo vệ, cụ thể như sau:

Bảng 4

Các loài cây thuốc quý, hiếm thuộc ngành Ngọc lan tại VQG Chư Yang Sin

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	SDV N, 2007	DLĐ cây thuốc, 2006	NĐ 32/2006/NĐ-CP
1	<i>Azelia xylocarpa</i> (Kurz.) Craib.	Gỗ đỏ	EN		II.A
2	<i>Aglaia spectabilis</i> (Miq.) Jain & Bennet.	Gội nếp	VU		
3	<i>Anoetochilus setaceus</i> Blume.	Lan kim tuyến	EN	EN	I.A
4	<i>Anoetochilus lylei</i> Rolfe ex Downie	Lan nhung ly			I.A
5	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lecomte	Trâm hương	EN	EN	
6	<i>Asparagus filicinus</i> Ham.ex D.Don	Thiên môn	EN	EN	
7	<i>Ardisia brevicaulis</i> Diels.	Cơm nguội thân ngắn	VU		
8	<i>Balanophora laxiflora</i> (Tiegh.) Lecomte	Dó đất	EN	VU	

9	<i>Canthium dicoccum</i> (Gaernt.) Teysm.& Binn.	Xương cá	VU		
10	<i>Castanopsis hystrix</i> DC.	Cà ôi lá đỏ	VU		
11	<i>Chukrasia tabularis</i> A.Juss.	Lát hoa	VU		
12	<i>Codonopsis celebica</i> (Blume.) Thuan	Ngân đẵng	VU	VU	
13	<i>Codonopsis javanica</i> (Blume) Hook.f. & Thoms	Đẵng sâm	VU	EN	II.A
14	<i>Coscinium fenestratum</i> (Gaertn.) Colebr	Vàng đẵng			II.A
15	<i>Cinnamomum cambodianum</i> Lecomte.	Re cambot	VU		
16	<i>Cinnamomum parthenoxylum</i> (Jack.) Meisn.	Vù hương	CR		II.A
17	<i>Curculigo orchioides</i> Gaertn.	Sâm cau	EN	VU	
18	<i>Dalbergia oliveri</i> Gamble ex Prain	Cắm lai vú	EN		II.A
19	<i>Dendrobium aphyllum</i> (Roxb.) C. Fisch .in Gamble	Thạch hộc	VU		
20	<i>Dendrobium bellatulum</i> Rolfe.	Bạch hòa hoàng	VU		
21	<i>Dendrobium crystallinum</i> Reichb. f.	Hoàng thảo ngọc thạch	EN		
22	<i>Dendrobium williamsonii</i> Day & Reichb.f.	Thạch hộc lông đen	EN		
23	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Hoàng tinh hoa trắng	VU	EN	II.A
24	<i>Euonymus chinensis</i> Lindl	Chân danh	EN		
25	<i>Fagerlindia depauperata</i> (Drake) Tireng	Chim trích	VU		
26	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban.	Bồ bèo đen	VU		
27	<i>Hopea pierrei</i> Hance	Kiên kiên Phú quốc	EN		
28	<i>Hydnophytum formicarum</i> Jack	Bí kỳ nam	EN	EN	
29	<i>Mahonia nepalensis</i> DC.	Mã hồ	EN	EN	
30	<i>Malus doumeri</i> (Bois.) A.Chev.	Chua chát		EN	
31	<i>Melientha suavis</i> Pierre	Rau ngót rừng	VU		
32	<i>Myrmecodia tuberosa</i> Jack	Kỳ nam gai	VU	VU	
33	<i>Nepenthes annamensis</i> Macfarl.	Nắp áp	EN		
34	<i>Paphiopedilum appletonianum</i> (Gower) Rolfe	Lan hài cuốn	VU		I.A
35	<i>Paramichelia baillonii</i> (Pierre) S. Y. Hu	Giôi xương	VU		
36	<i>Peliosanthes teta</i> Andr.	Cầu tử	VU		
37	<i>Pterocarpus macrocarpus</i> Kurz.	Giáng hương quả to	EN		II.A
38	<i>Rauwolfia cambodiana</i> (Pierre ex Pitard)	Ba gạc lá to	VU	VU	
39	<i>Rhopaloemesis phaloides</i> Jungh.	Dó đất núi	VU	VU	

40	<i>Sindora siamensis</i> Teysm. ex Miq.	Gụ mật	EN		II.A
41	<i>Spathoglottis pubescens</i> Lindl.	Cau điệp lông		EN	
42	<i>Stephania japonica</i> (Thunb.) Miers	Dây mối			II.A
43	<i>Stephania hernandiifolia</i> (Willd.) Spreng.	Dây lõi tiền			II.A

Như vậy, có 37 loài cây thuốc nằm trong Sách Đỏ Việt Nam, 2007; 13 loài trong NĐ 32/2006/NĐ-CP và 15 loài trong Danh lục Đỏ cây thuốc, 2006 ở các mức phân hạng khác nhau.

Dù cho cây thuốc ở mức đe dọa nào cũng cần có các biện pháp quản lý chặt chẽ nhằm bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn tài nguyên quý giá này.

3. Hiện trạng sử dụng cây thuốc tại VQG Chư Yang Sin

Vùng đệm VQG Chư Yang Sin là nơi sinh sống của nhiều dân tộc thiểu số, trong đó có dân tộc Mnông, Ê Đê, là các dân tộc thiểu số bản địa, họ có nhiều kinh nghiệm sử dụng cây cỏ làm thuốc độc đáo và khác lạ, tuy nhiên vì nhiều lý do mà tri thức bản địa này dần đang bị mai một.

Trong cộng đồng các dân tộc thiểu số này, không phải ai cũng biết sử dụng cây cỏ làm thuốc chữa bệnh. Mỗi dân tộc chỉ có 2-3 ông lang bà mế và có khoảng 5-7 người nữa am hiểu về cây thuốc, thường là những người cao tuổi. Người già ngày càng ít đi, tri thức chỉ được truyền khẩu, những người trẻ tuổi hiện nay có xu hướng tiếp cận khoa học hiện đại, coi nhẹ tri thức truyền thống của cha ông, dẫn đến nhiều kinh nghiệm quý báu có nguy cơ bị xói mòn.

Tuy nhiên, cho tới nay, người dân vẫn sử dụng cây cỏ làm thuốc theo thói quen và tập quán, chữa các bệnh từ thông thường (cảm cúm, bong gân, đau bụng) cho tới bệnh nan y (gan, thận); kết quả điều tra cho thấy 80% dân số cộng đồng đã sử dụng cây thuốc chữa bệnh ít nhất một lần. Ngoài việc khai thác cây thuốc sử dụng tại cộng đồng trong một thời gian dài, nhiều cây thuốc còn bị khai thác vì mục đích thương mại, do vậy nhiều loài cây thuốc đang đứng trước nguy cơ bị đe dọa cao (Vàng đắng, Bí kỳ nam, Kỳ nam gai, Dó đất, các loài Lan kim tuyến,...).

Một số loài có trữ lượng tự nhiên tương đối nhiều có thể cung cấp nguyên liệu cho Y học cổ truyền và công nghiệp Dược như Gừng, Giềng, Sa nhân, Địa liên, Chè dây, Nhân trần. Bên cạnh đó, có những loài vốn trữ lượng tự nhiên ít, có tốc độ tái sinh chậm lại bị khai thác mạnh như Dó đất, Bí kỳ nam, Kỳ nam gai, Hoài sơn, các loài Lan kim tuyến,... các loài này thường bị khai thác theo kiểu hủy diệt, do vậy, hiện nay muốn thu hái các loài này, người dân phải đi vào rừng rậm, nơi rừng ít bị tác động bởi các hoạt động của con người, tuy nhiên cũng khó thu hái được khối lượng nguyên liệu cần thiết.

III. KẾT LUẬN

- Bước đầu đã ghi nhận có 670 loài cây thuốc thuộc 445 chi, 132 loài của ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) tại VQG Chư Yang Sin, trong đó lớp Ngọc lan chiếm tỷ lệ lớn về các bậc taxon. Họ nhiều loài cây thuốc nhất là họ Đậu (Fabaceae): 38 loài, họ Cúc (Asteraceae): 33 loài, họ Thầu dầu (Euphorbiaceae): 32 loài, họ Cà phê (Rubiaceae): 25 loài, họ Lan (Orchidaceae): 25 loài, họ Long não (Lauraceae): 17 loài,...

- Tổng số có 43 loài được ghi nhận trong Sách Đỏ Việt Nam (2007), Nghị định 32/2006/NĐ-CP và Danh lục Đỏ cây thuốc (2006).

- Cây thuốc ngoài việc thu hái sử dụng tại cộng đồng, còn bị khai thác vì mục đích thương mại nên nhiều loại cây thuốc bị đe dọa cao khuyến cáo cần bảo vệ.

Lời cảm ơn: Tác giả chân thành cảm ơn Chủ nhiệm đề tài TN-13, Ban Giám đốc Vườn Quốc gia Chu Yang Sin đã giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Tiến Bản** (chủ biên), 2003, 2005. Danh lục các loài thực vật Việt Nam, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội, tập 2, 3.
2. **Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam**, 2007. Sách Đỏ Việt Nam, phần II- Thực vật, Nxb. KHTN&CN, Hà Nội.
3. **Võ Văn Chi**, 2012. Từ điển cây thuốc Việt Nam, Nxb. Y Học, Tp Hồ Chí Minh.
4. **Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**, 2006. Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp quý, hiếm số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/3/2006
5. **Gary J. Martin**, 2002. Thực vật dân tộc học, Sách về bảo tồn, Nxb. Nông nghiệp (Bản dịch tiếng Việt), 363 trang.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 2000. Cây cỏ Việt Nam, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh.
7. **Đỗ Tất Lợi**, 2004. Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, Nxb. Y học, Hà Nội.
8. **Nguyễn Tập**, 2007. Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam. Mạng lưới Lâm sản ngoài gỗ tại Việt Nam, Nxb. Bản đồ.
9. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 1997. Cẩm nang nghiên cứu đa dạng sinh vật, Nxb. Nông nghiệp, Hà Nội.

PRELIMINARY STUDIES ON THE DIVERSITY OF MEDICINAL PLANTS OF MAGNOLIOPHYTA IN CHU YANG SIN NATIONAL PARK, DAK LAK PROVINCE

NGUYEN PHUONG HANH, NGUYEN QUOC BINH
SUMMARY

Chu Yang Sin national park has high diversity of medicinal plants. 670 medicinal plant species of Magnoliophyta belonging to 445 genera, 132 families were recorded. Among them 43 species are rare and precious for conservation, 37 species are listed in the Vietnam Red Data Book (2007), 13 species in the Government Decree 32/2006/NĐ-CP, 15 species in the Red list of medicinal plants in Vietnam (2006). 80% of the population of ethnic minorities (M'ong, E de) had used these medicinal plants at least once.